

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ IV CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

PHẠM THỊ
THÚY HẰNG

Digitally signed by PHẠM THỊ THÚY HẰNG
DN: c=VN, st=HÀ NỘI, l=Huyện Phúc Thọ,
ou=TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM
BƯU ĐIỆN, title=Giám đốc Ban Pháp chế và
Kiểm soát nội bộ, cn=PHẠM THỊ THÚY
HẰNG,
0.9.2342.19200300.100.1.1=CCCD:0011760
18511
Date: 2023.01.30 19:08:46 +07'00'

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	2 - 6
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	7- 11
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12 - 13
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	14 - 27

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7,282,406,422,945	7,327,979,031,849
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	IV.1	139,877,899,201	152,508,587,674
1.	Tiền	111		139,877,899,201	152,508,587,674
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	IV.2	3,754,876,166,807	3,906,840,869,585
1.	Chứng khoán kinh doanh	121	IV.2a	-	14,236,657,070
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(26,695,000)
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	IV.2a	3,754,876,166,807	3,892,630,907,515
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		984,833,828,325	894,390,955,179
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	IV.3	564,191,170,518	508,216,985,965
1.1	Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1		564,191,170,518	505,026,777,965
1.2	Phải thu khác của khách hàng	131.2		-	3,190,208,000
2.	Trả trước cho người bán	132	IV.4	177,701,782,413	160,911,002,969
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		34,570,000,000	6,570,000,000
5.	Các khoản phải thu khác	136	IV.5	323,947,798,371	330,026,784,765
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	IV.6	(115,576,922,977)	(111,333,818,520)
IV	Hàng tồn kho	140		5,983,510,711	1,861,097,801
1.	Hàng tồn kho	141	IV.7	5,983,510,711	1,861,097,801
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		744,235,193,743	671,509,644,130
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	IV.8a	698,660,011,292	645,710,200,393
1.1	Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		416,369,417,375	390,719,147,172
1.2	Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		282,290,593,917	254,991,053,221
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		21,343,014,729	25,097,573,421
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	IV.9	24,232,167,722	701,870,316
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
VIII	Tài sản tái bảo hiểm	190		1,652,599,824,158	1,700,867,877,480
1.	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191	IV.18	1,012,892,798,778	1,065,833,353,023
2.	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192	IV.18	639,707,025,380	635,034,524,457

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		1,102,707,168,453	1,236,780,529,754
I Các khoản phải thu dài hạn		210		11,657,135,660	18,089,886,286
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn		212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ		214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn		215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác		216		18,957,135,660	18,089,886,286
6.1 Ký quỹ bảo hiểm		216.1		8,000,000,000	8,000,000,000
6.2 Phải thu dài hạn khác		216.2		10,957,135,660	10,089,886,286
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		(7,300,000,000)	-
II Tài sản cố định		220		389,404,597,323	110,136,553,369
1. Tài sản cố định hữu hình		221	IV.10	365,217,892,772	85,177,014,058
Nguyên giá		222		496,442,427,468	197,874,597,399
Giá trị hao mòn lũy kế		223		(131,224,534,696)	(112,697,583,341)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
Nguyên giá		225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	IV.11	24,186,704,551	24,959,539,311
Nguyên giá		228		36,932,176,605	38,685,603,304
Giá trị hao mòn lũy kế		229		(12,745,472,054)	(13,726,063,993)
III Bất động sản đầu tư		230	IV.12	108,578,206,698	324,719,731,259
Nguyên giá		231		128,018,569,642	346,058,942,494
Giá trị hao mòn lũy kế		232		(19,440,362,944)	(21,339,211,235)
IV Tài sản dở dang dài hạn		240		56,410,813,123	19,604,709,679
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242	IV.13	56,410,813,123	19,604,709,679
V Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		511,616,504,400	725,766,284,005
1. Đầu tư vào công ty con		251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252	IV.2b	25,761,467,199	24,301,408,015
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		253	IV.2c	30,129,400,000	30,129,400,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		254		(17,893,610,687)	(14,969,035,338)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		255	IV.2a	473,619,247,888	686,304,511,328
VI Tài sản dài hạn khác		260		25,039,911,249	38,463,365,156
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	IV.8b	25,039,911,249	38,463,365,156
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác		268		-	-
4. Lợi thế thương mại		269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		8,385,113,591,398	8,564,759,561,603

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		6,578,462,505,409	6,384,536,626,829
I Nợ ngắn hạn		310		6,548,892,218,705	6,378,842,217,489
1. Phải trả cho người bán		311	IV.14	516,453,355,409	538,684,318,279
1.1 <i>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</i>		311.1		510,396,554,373	515,439,391,359
1.2 <i>Phải trả khác cho người bán</i>		311.2		6,056,801,036	23,244,926,920
2. Người mua trả tiền trước		312	IV.15	7,199,515,106	6,899,172,213
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	IV.16	31,833,455,309	74,451,733,263
4. Phải trả người lao động		314		78,218,224,646	116,671,147,696
5. Chi phí phải trả		315		46,329,267,449	17,454,785,143
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318.1		214,929,260,307	133,432,368,564
7. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		318.2		297,994,436,198	345,133,359,458
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	IV.17	81,263,703,138	107,378,375,323
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320		-	-
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321		-	136,800,000,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322		43,513,466	26,838,138
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		327		-	-
13. Dự phòng nghiệp vụ		329	IV.18	5,274,627,487,677	4,901,910,119,412
13.1 <i>Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>		329.1	IV.18a	3,631,789,735,305	3,366,993,634,760
13.2 <i>Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>		319.2	IV.18a	1,511,267,231,024	1,450,296,486,631
13.3 <i>Dự phòng dao động lớn</i>		319.3	IV.18b	131,570,521,348	84,619,998,021
II Nợ dài hạn		330		29,570,286,704	5,694,409,340
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
2. Phải trả dài hạn khác		337		27,488,729,062	2,390,697,343
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338		-	-
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341		2,081,557,642	3,303,711,997

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	1,806,651,085,989	2,180,222,934,774
	Vốn chủ sở hữu	410	IV.19	1,806,651,085,989
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2,180,222,934,774
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	803,957,090,000	803,957,090,000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b	803,957,090,000	803,957,090,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418	827,943,052,804	827,943,052,804
4.	Quỹ dự trữ bắt buộc	419	28,642,118,155	26,019,645,665
5.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	80,395,709,000	80,395,709,000
6.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	-	-
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	61,780,006,559	438,388,382,483
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b	414,047,860,842	193,504,792,915
12	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	(352,267,854,283)	244,883,589,568
7.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	3,933,109,471	3,519,054,822
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	8,385,113,591,398	8,564,759,561,603

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1 Tài sản thuê ngoài		-	-
2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3 Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
4 Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh		226,244,910,515	178,104,873,414
5 Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		398,594.11	513,029.43
Euro (EUR)		2,583.70	119,430.93
Bảng Anh (£)		308.33	314.93

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu



Lê Trọng Hiệp

Kế toán trưởng



Lê Xuân Bách

Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Lân

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

PHẦN I - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10.1		5,152,967,384,635	4,963,702,478,265
2.1 Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11		9,125,910,370	39,664,063,873
2.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	11.2		-	-
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	V.2	160,768,166,167	189,489,763,019
4. Thu nhập khác	13		7,756,855,905	3,994,315,067
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20.1		5,364,403,007,393	4,558,193,742,149
6.1 Giá vốn bất động sản đầu tư	21		4,879,704,589	20,496,114,733
6.2 Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	21.2		-	-
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	V.3	56,768,281,964	47,643,308,000
8.1 Chi phí bán hàng	23.1		-	-
8.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.2	V.4	252,864,377,064	235,331,007,676
9. Chi phí khác	24		5,073,746,782	463,737,260
10.1 Lãi (lỗ) từ Công ty liên kết, liên doanh	50.1		2,300,730,769	(6,718,569,678)
10.2 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13-20-21-22-23-24)	50.2		(351,070,069,946)	328,004,140,728

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2,419,938,692	70,991,890,393
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(1,222,154,355)	(470,494,145.00)
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		<u>(352,267,854,283)</u>	<u>257,482,744,480</u>
13.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	60.1		18,296,530	115,483,501
13.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	60.2		(352,286,150,813)	257,367,260,979
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.5	<u>(4,382)</u>	<u>3,041</u>

Người lập biểu

Lê Trọng Hiệp

Kế toán trưởng

Lê Xuân Bách

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2023



Nguyễn Kim Lân

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Đơn vị: đồng)

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

PHẦN II - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV.2022	Quý IV.2021	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu phí bảo hiểm	01	V.1	1,567,106,644,675	1,502,411,149,290	6,105,621,475,455	5,704,229,551,151
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		1,545,155,468,607	1,645,574,366,694	6,265,961,552,698	5,836,199,674,337
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		35,022,238,265	37,157,409,510	104,456,023,302	108,719,404,440
- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		13,071,062,197	180,320,626,914	264,796,100,545	240,689,527,626
2. Phí nhượng tái bảo hiểm	02		472,405,168,591	306,412,062,321	1,728,305,797,560	1,562,274,134,038
- Phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		490,166,959,509	453,813,913,269	1,675,365,243,315	1,733,551,920,761
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		17,761,790,918	147,401,850,948	(52,940,554,245)	171,277,786,723
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)	03		1,094,701,476,084	1,195,999,086,969	4,377,315,677,895	4,141,955,417,113
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04		226,924,071,689	219,688,047,237	775,651,706,740	821,747,061,152
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		148,188,928,074	153,532,838,679	542,541,404,555	586,417,287,875
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		78,735,143,615	66,155,208,558	233,110,302,185	235,329,773,277
5.1 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)	10.1		1,321,625,547,773	1,415,687,134,206	5,152,967,384,635	4,963,702,478,265
5.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	10.2		-	-	-	-
6. Chi bồi thường	11		884,172,570,169	653,089,035,108	2,901,283,639,619	2,154,152,125,034
- Tổng chi bồi thường	11.1		893,694,289,862	660,424,499,737	2,930,580,025,757	2,167,860,066,789
- Các khoản giảm trừ (thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		9,521,719,693	7,335,464,629	29,296,386,138	13,707,941,755
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		254,832,812,770	177,846,673,409	697,502,010,600	515,151,160,071

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
				Quý IV.2022	Quý IV.2021	Năm nay / Năm trước
8.	Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		31,926,356,835	163,522,657,790	60,970,744,393 / 247,109,647,100
9.	Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(18,338,394,759)	69,502,119,225	4,672,500,923 / 113,779,060,823
10.	Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)	15		679,604,508,993	569,262,900,264	2,260,079,872,489 / 1,772,331,551,240
11.	Tăng (giảm) dự phòng giao động lớn	16		10,900,107,474	12,289,178,630	46,950,523,327 / 42,113,671,580
12.	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17		582,224,472,735	694,891,610,630	3,057,372,611,577 / 2,743,748,519,329
	- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		163,292,183,460	179,193,744,961	658,150,628,466 / 658,480,727,819
	- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		418,932,289,275	515,697,865,669	2,399,221,983,111 / 2,085,267,791,510
13.1	Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)	18.1		1,272,729,089,202	1,276,443,689,524	5,364,403,007,393 / 4,558,193,742,149
13.2	Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	18.2		-	-	- / -
14.1	Lợi nhuận góp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)	19.1		48,896,458,571	139,243,444,682	(211,435,622,758) / 405,508,736,116
14.2	Lợi nhuận góp cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	19.2		-	-	- / -
15.	Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20		1,745,766,330	6,886,167,944	9,125,910,370 / 39,664,063,873
16.	Giá vốn bất động sản đầu tư	21		926,336,822	2,259,797,577	4,879,704,589 / 20,496,114,733
17.	Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22=21-20)	22		819,429,508	4,626,370,367	4,246,205,781 / 19,167,949,140
18.	Doanh thu hoạt động tài chính	23	V.2	44,805,804,878	42,194,123,906	160,768,166,167 / 189,489,763,019
19.	Chi phí hoạt động tài chính	24	V.3	25,795,447,979	12,717,947,258	56,768,281,964 / 47,643,308,000
20.	Lợi nhuận góp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		19,010,356,899	29,476,176,648	103,999,884,203 / 141,846,455,019
21.	Chi phí bán hàng	26.1		-	-	- / -
21.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.2	V.4	69,744,736,499	84,954,133,923	252,864,377,064 / 235,331,007,676
22.	Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh (30=19+22+25-26)	30		(1,018,491,521)	88,391,857,774	(356,053,909,838) / 331,192,132,599

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(351,070,069,946)	328,004,140,728
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		15,647,511,125	26,605,200,713
- Các khoản dự phòng	03		435,426,406,393	279,819,402,923
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	590,237,355
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(153,320,941,074)	(315,312,460,006)
- Chi phí lãi vay	06		9,847,281,412	8,743,826,504
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(43,469,812,090)	328,450,348,217
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(89,811,297,606)	10,099,804,711
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4,122,412,910)	164,403,918
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(172,128,852,763)	54,087,253,441
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(39,526,356,992)	(55,892,468,498)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		14,236,657,070	(8,463,442,212)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9,847,281,412)	(8,743,826,504)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(34,287,222,803)	(59,640,179,255)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		16,675,328	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		5,244,944,980	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(373,694,959,198)	260,061,893,818
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(147,469,664,194)	(91,603,510,535)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	11,537,866,199
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(197,564,105,441)	(2,785,609,805,451)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		548,004,109,589	2,274,792,506,859
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		(1,460,059,184)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		160,446,358,222	265,827,555,628
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		361,956,638,992	(325,055,387,300)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	266,637,910,506
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(266,637,910,506)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(892,368,267)	(79,926,579,686)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(892,368,267)	(79,926,579,686)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(12,630,688,473)	(144,920,073,168)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	152,508,587,674	298,018,898,197
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(590,237,355)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	139,877,899,201	152,508,587,674

Người lập biểu



Lê Trọng Hiệp

Kế toán trưởng



Lê Xuân Bách

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Kim Lân

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh : Bảo hiểm phi nhân thọ.

3. Ngành nghề kinh doanh : Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tổng Công ty

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và 1 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Tầng 5, Lô 18 Khu đô thị Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Môi giới nhà đất, mua bán bất động sản và dịch vụ khác	97,60%	95,32%	97,60%	95,32%

5b. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Kasati	270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP Hồ Chí Minh	21,30%	21,30%
Công ty Bảo hiểm đại chúng Lanexang	Số 13, đường Suphanuvong, thành phố Viêng Chăn, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	50,00%	50,00%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của năm nay.

Trong năm, Ban điều hành đã quyết định thay đổi việc ghi nhận một số khoản mục chi phí từ chi phí quản lý sang chi phí kinh doanh bảo hiểm để phù hợp với mô hình kinh doanh và quản lý chi phí của Tổng Công ty. Theo đó, một số chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu năm nay.

Chi tiết các số liệu được trình bày lại như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số trình bày lại
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021				
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2	1,737,051,894,784	348,215,896,726	2,085,267,791,510
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	583,546,904,402	(348,215,896,726)	235,331,007,676

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 Tổng Công ty có 2.605 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 2.539 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện các Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2,291,877,651	6,724,197,319
Tiền gửi ngân hàng	115,745,847,797	145,319,890,355
Tiền đang chuyển	21,840,173,753	464,500,000
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	-	-
Cộng	139,877,899,201	152,508,587,674

2. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Chứng khoán kinh doanh	-	-	14,236,657,070	14,209,962,070
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn	4,228,495,414,695	4,221,151,414,695	4,578,935,418,843	4,571,591,418,843
Tiền gửi có kỳ hạn	3,754,876,166,807	3,754,876,166,807	3,892,630,907,515	3,892,630,907,515
Đầu tư trái phiếu	3,203,000,212,307	3,203,000,212,307	3,792,630,907,515	3,792,630,907,515
Chứng chỉ tiền gửi	301,690,510,000	301,690,510,000	100,000,000,000	100,000,000,000
Dài hạn	250,185,444,500	250,185,444,500	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	473,619,247,888	466,275,247,888	686,304,511,328	678,960,511,328
Đầu tư trái phiếu	140,142,575,338	140,142,575,338	291,726,211,328	291,726,211,328
Đầu tư dự án kinh doanh bất động sản qua Công ty Cổ phần	326,132,672,550	326,132,672,550	387,234,300,000	387,234,300,000
Bất động sản Bưu điện	7,344,000,000	-	7,344,000,000	-
Cộng	4,228,495,414,695	4,221,151,414,695	4,593,828,075,913	4,586,457,380,913

2b. Đầu tư vào Công ty liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Cộng	Giá gốc	Dự phòng	Cộng
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang ⁽¹⁾	20,152,200,000	(802,173,292)	19,350,026,708	20,152,200,000	(6,563,320,292)	13,588,879,708
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử ⁽²⁾	14,292,700,000	-	14,292,700,000	14,292,700,000	-	14,292,700,000
Cộng	34,444,900,000	(802,173,292)	33,642,726,708	34,444,900,000	(6,563,320,292)	27,881,579,708

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức, lợi nhuận được chia	Các khoản tăng, giảm khác	Giá trị phần sở hữu cuối năm
(1)	10,101,972,509	(392,034,601)	-	545,355,999	10,255,293,907
(2)	14,199,435,506	2,147,409,371	(786,126,880)	(54,544,705)	15,506,173,292
Cộng	24,301,408,015	1,755,374,770	(786,126,880)	490,811,294	25,761,467,199

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Út Xi	15,000,000,000	10,549,610,687	15,000,000,000	7,625,035,338
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện	2,940,000,000	-	2,940,000,000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ số liệu Toàn Cầu	5,699,400,000	-	5,699,400,000	-
Công ty Cổ phần Huawei Việt Nam	5,800,000,000	-	5,800,000,000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Nam	65,000,000	-	65,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	625,000,000	-	625,000,000	-
Cộng	30,129,400,000	10,549,610,687	30,129,400,000	7,625,035,338

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	299,791,764,878	330,775,955,361
Phải thu về tái bảo hiểm	264,399,405,640	174,250,822,604
Phải thu khách hàng khác	-	3,190,208,000
Cộng	564,191,170,518	508,216,985,965

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	139,838,274,519	123,625,392,746
Trả trước khác của hoạt động bảo hiểm gốc	3,489,397,641	2,145,266,420
Trả trước cho nhà cung cấp khác	34,374,110,253	35,140,343,803
Cộng	177,701,782,413	160,911,002,969

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi dự thu hoạt động tài chính	217,817,284,316	224,942,701,464
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Gia Tuệ - Dự án biệt thự Đà Lạt	55,514,920,773	55,514,920,773
Tạm ứng hoa hồng đại lý	18,000,000,000	18,000,000,000
Tạm ứng kinh doanh	10,822,380,983	15,237,725,009
Ký quỹ	9,639,976,042	8,292,280,330
Các khoản phải thu khác	12,153,236,257	8,039,157,189
Cộng	323,947,798,371	330,026,784,765

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	111,333,818,520	104,822,740,950
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	4,462,664,232	15,050,299,102
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(219,559,775)	(8,539,221,532)
Số cuối năm	115,576,922,977	111,333,818,520

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	1,415,999,320	1,651,228,410
Công cụ, dụng cụ	45,451,391	58,401,391
Hàng hóa	4,522,060,000	151,468,000
Cộng	5,983,510,711	1,861,097,801

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ (*)	416,369,417,375	390,719,147,172
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	282,290,593,917	254,991,053,221
Cộng	698,660,011,292	645,710,200,393

(*) Biến động tăng, giảm chi phí hoa hồng chờ phân bổ trong kỳ như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	390,719,147,172	404,700,563,407
Số phát sinh trong năm	683,800,898,669	644,499,311,584
Số đã phân bổ vào chi phí trong năm	(658,150,628,466)	(658,480,727,819)
Số dư cuối năm	416,369,417,375	390,719,147,172

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	8,151,230,608	5,615,637,228
Chi phí thuê nhà	4,035,683,247	5,895,718,621
Chi phí phát triển đại lý	1,270,709,515	1,260,582,489
Các khoản chi phí khác	11,582,287,879	25,691,426,818
Cộng	25,039,911,249	38,463,365,156

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	126,281,157	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	23,187,621,948	-
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	914,748,756	693,567,013
Thuế khác	3,515,861	8,303,303
Cộng	24,232,167,722	701,870,316

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	21,995,579,410	237,270,000	126,555,753,125	49,085,994,864	197,874,597,399
Tăng trong năm	298,323,488,625	38,636,364	6,681,538,742	2,385,498,283	307,429,162,014
Giảm trong năm	-	-	(5,450,249,310)	(3,411,082,635)	(8,861,331,945)
Số cuối năm	320,319,068,035	275,906,364	127,787,042,557	48,060,410,512	496,442,427,468
Số đầu năm	4,709,784,094	210,763,024	75,152,187,339	32,624,848,884	112,697,583,341
Khấu hao trong năm	11,245,497,718	27,452,879	9,156,593,002	6,847,274,429	27,276,818,028
Giảm trong năm	-	-	(5,450,249,310)	(3,299,617,363)	(8,749,866,673)
Số cuối năm	15,955,281,812	238,215,903	78,858,531,031	36,172,505,950	131,224,534,696
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	17,285,795,316	26,506,976	51,403,565,786	16,461,145,980	85,177,014,058
Số cuối năm	304,363,786,223	37,690,461	48,928,511,526	11,887,904,562	365,217,892,772

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	19,181,218,618	19,504,384,686	38,685,603,304
Tăng trong năm	-	2,944,356,834	2,944,356,834
Thanh lý nhượng bán	-	(4,697,783,533)	(4,697,783,533)
Số cuối năm	19,181,218,618	17,750,957,987	36,932,176,605
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	13,726,063,993	13,726,063,993
Khấu hao trong năm	-	3,528,127,370	3,528,127,370
Thanh lý nhượng bán	-	(4,508,719,309)	(4,508,719,309)
Số cuối năm	-	12,745,472,054	12,745,472,054
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	19,181,218,618	5,778,320,693	24,959,539,311
Số cuối năm	19,181,218,618	5,005,485,933	24,186,704,551

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	346,058,942,494	346,058,942,494
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	(218,040,372,852)	(218,040,372,852)
Số cuối năm	-	128,018,569,642	128,018,569,642
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	21,339,211,235	21,339,211,235
Khấu hao trong năm	-	2,859,969,366	2,859,969,366
Giảm trong năm	-	(4,758,817,657)	(4,758,817,657)
Số cuối năm	-	19,440,362,944	19,440,362,944
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	324,719,731,259	324,719,731,259
Số cuối năm	-	108,578,206,698	108,578,206,698

13. Chi phí xây dựng cơ bản

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển giảm trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	9,807,483,560	82,368,725,168	83,567,986,188	8,608,222,540
XDCB dở dang	9,797,226,119	38,005,364,464	-	47,802,590,583
Cộng	19,604,709,679	120,374,089,632	83,567,986,188	56,410,813,123

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	172,487,127,932	172,946,212,173
Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm	301,123,109,786	317,085,177,202
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	36,786,316,655	25,408,001,984
Phải trả cho nhà cung cấp khác	6,056,801,036	23,244,926,920
Cộng	516,453,355,409	538,684,318,279

15. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả trước về hoạt động bảo hiểm gốc	7,199,515,106	6,899,172,213
Người mua trả tiền trước khác	-	-
Cộng	7,199,515,106	6,899,172,213

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	23,360,482,715	30,776,883,277
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	31,867,284,111
Thuế thu nhập cá nhân	8,404,089,492	10,521,081,885
Thuế khác	68,883,102	1,286,483,990
Cộng	31,833,455,309	74,451,733,263

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	259,090,908	249,894,318
Kinh phí công đoàn	15,722,105,743	6,691,240,294
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	9,885,807,282	10,778,175,549
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50,000,000	50,000,000
Các khoản đóng góp quỹ bảo hiểm	12,293,701,572	17,982,670,765
Thu phí bảo hiểm, phải trả bồi thường hộ chưa đối chiếu	26,081,784,043	30,532,118,496
Các khoản khác	16,971,213,589	41,094,275,901
Cộng	81,263,703,138	107,378,375,323

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Dự phòng nghiệp vụ

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần
	(1)	(2)	(3) = (1) – (2)	(4)	(5)	(6) = (4) – (5)
18a. Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng						
<i>1. Dự phòng bồi thường</i>						
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	1,511,267,231,024	639,707,025,380	871,560,205,644	1,450,296,486,631	635,034,524,457	815,261,962,174
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	1,379,882,074,318	606,485,518,815	773,396,555,503	1,321,665,718,525	597,554,745,600	724,110,972,925
<i>2. Dự phòng phí chưa được hưởng</i>	131,385,156,706	33,221,506,565	98,163,650,141	128,630,768,106	37,479,778,857	91,150,989,249
Cộng	<u>3,631,789,735,305</u>	<u>1,012,892,798,778</u>	<u>2,618,896,936,527</u>	<u>3,366,993,634,760</u>	<u>1,065,833,353,023</u>	<u>2,301,160,281,737</u>
	<u>5,143,056,966,329</u>	<u>1,652,599,824,158</u>	<u>3,490,457,142,171</u>	<u>4,817,290,121,391</u>	<u>1,700,867,877,480</u>	<u>3,116,422,243,911</u>
<i>Trong đó chi tiết:</i>						
Dự phòng bồi thường						
Số dư đầu năm	1,450,296,486,631	635,034,524,457	815,261,962,174	1,203,186,839,531	521,255,463,634	681,931,375,897
Số trích lập trong năm	60,970,744,393	4,672,500,923	56,298,243,470	247,109,647,100	113,779,060,823	133,330,586,277
Số dư cuối năm	<u>1,511,267,231,024</u>	<u>639,707,025,380</u>	<u>871,560,205,644</u>	<u>1,450,296,486,631</u>	<u>635,034,524,457</u>	<u>815,261,962,174</u>
Dự phòng phí chưa được hưởng						
Số dư đầu năm	3,366,993,634,760	1,065,833,353,023	2,301,160,281,737	3,126,304,107,134	894,555,566,300	2,231,748,540,834
Số trích lập trong năm	264,796,100,545	(52,940,554,245)	317,736,654,790	240,689,527,626	171,277,786,723	69,411,740,903
Số dư cuối năm	<u>3,631,789,735,305</u>	<u>1,012,892,798,778</u>	<u>2,618,896,936,527</u>	<u>3,366,993,634,760</u>	<u>1,065,833,353,023</u>	<u>2,301,160,281,737</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18b. Dự phòng dao động lớn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	84,619,998,021	42,506,326,441
Số trích lập thêm trong năm	46,950,523,327	42,113,671,580
Số sử dụng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	<u>131,570,521,348</u>	<u>84,619,998,021</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	803,957,090,000	827,943,052,804	23,517,729,849	67,912,037,589	294,419,361,506	3,403,565,045	2,021,152,836,793
Cổ đông góp vốn	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	257,367,260,979	115,483,501	257,482,744,480
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	2,501,915,816	12,483,671,411	(14,985,587,227)	-	-
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(80,395,709,000)	-	-
Trích quỹ khen thưởng khách hàng	-	-	-	-	(5,003,831,631)	-	(80,395,709,000)
Trích quỹ khen thưởng HĐQT, BKS	-	-	-	-	(5,003,831,631)	-	(5,003,831,631)
Trích quỹ khen thưởng Ban lãnh đạo	-	-	-	-	(2,501,915,817)	-	(2,501,915,817)
Giảm do Công ty liên kết phân phối	-	-	-	-	(5,003,831,631)	-	(5,003,831,631)
quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(111,051,995)	-	-
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(5,396,312,701)	6,276	111,051,995.00
Số dư cuối năm trước	803,957,090,000	827,943,052,804	26,019,645,665	80,395,709,000	438,388,382,483	3,519,054,822	2,180,222,934,774
Số dư đầu năm nay	803,957,090,000	827,943,052,804	26,019,645,665	80,395,709,000	438,388,382,483	3,519,054,822	2,180,222,934,774
Cổ đông góp vốn	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(352,286,150,813)	18,296,530	(352,267,854,283)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	2,622,472,490	-	(2,622,472,490)	-	-
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Thù lao và thưởng HĐQT, BKS	-	-	-	-	(5,334,834,938)	-	-
Trích quỹ khen thưởng khách hàng	-	-	-	-	(5,244,944,980)	-	(5,334,834,938)
Trích quỹ khen thưởng Ban lãnh đạo	-	-	-	-	(10,669,669,879)	-	(5,244,944,980)
Giảm do công ty con phân phối quỹ	-	-	-	-	-	-	(10,669,669,879)
khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(54,544,705)	-	(54,544,705)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(395,758,119)	395,758,119	-
Số dư cuối năm nay	803,957,090,000	827,943,052,804	28,642,118,155	80,395,709,000	61,780,006,559	3,933,109,471	1,806,651,085,989

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Cổ phiếu</i>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	80,400,000	80,400,000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	80,395,709	80,395,709
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	80,395,709	80,395,709

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu phí bảo hiểm**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bảo hiểm gốc	6,390,624,652,069	5,928,912,357,890
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(124,663,099,371)	(92,712,683,553)
Phí nhận tái bảo hiểm	106,887,467,830	112,173,764,688
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(2,431,444,528)	(3,454,360,248)
Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(264,796,100,545)	(240,689,527,626)
Doanh thu thuần	6,105,621,475,455	5,704,229,551,151

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	113,581,116,157	130,936,816,137
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	158,503,767	156,188,191
Lãi kinh doanh chứng khoán	3,669,957,461	19,155,864,197
Cổ tức, lợi nhuận được chia	157,750,000	2,367,414,720
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3,473,541,143	3,938,840,177
Lãi mua bán trái phiếu, đầu tư dài hạn	39,693,540,189	32,894,339,486
Các khoản khác	33,757,450	40,300,111
Cộng	160,768,166,167	189,489,763,019

3. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	9,847,281,412	8,743,826,504
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14,848,302,832	6,652,709,471
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2,907,413,654	1,652,326,593
Lỗ kinh doanh chứng khoán	26,112,866,604	30,508,289,725
Chi phí tài chính khác	3,052,417,461	86,155,707
Cộng	56,768,281,964	47,643,308,000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	140,537,696,676	132,521,918,447
Chi phí nguyên liệu vật liệu	1,735,940,376	7,041,989,515
Chi phí dụng cụ quản lý	2,250,833,850	1,058,248,530
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17,180,719,160	9,787,394,542
Thuế phí và lệ phí	2,942,847,018	1,895,939,448
Chi phí dự phòng	12,220,651,405	12,125,859,324
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28,906,516,154	25,960,384,058
Chi phí khác bằng tiền	47,089,172,425	44,939,273,812
Cộng	252,864,377,064	235,331,007,676

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(352,286,150,813)	257,367,260,979
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(352,286,150,813)	244,498,897,929
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	80,395,709	80,395,709
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(4,382)	3,041

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Trọng Hiệp

Lê Xuân Bách



Nguyễn Kim Lân